

Bản án số: 73/2024/DS-ST
Ngày 21/8/2024
Về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Minh Sơn; Ông Đặng Văn Dũng

- **Thư ký - phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-DS ngày 09/8/2024) giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Kim Bé B**, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Kim Bé B: Chị Kim Thị Ngọc T, sinh năm 1984. Cùng nơi cư trú: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2021- có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Kim Bé Ba: Bà **Nguyễn Thị Thanh Ph** – là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Bị đơn: Ông **Kim U**, sinh năm 1962 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Bà **Thạch Thị H**, sinh năm 1955 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện hợp pháp của bà Hòa: Bà Phạm Thị Thiên Nh, sinh năm 1997, nơi cư trú: Khóm 8, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 09/4/2023 – có mặt).

- Ông **Kim Cù M**, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Kênh Xáng, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Kim Cù Ma R**, sinh năm 1988 (vắng mặt);
- Chị **Kim Thị Ng**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Kim Cù Ma R, chị Kim Thị Ng: ông Kim Cù M, sinh năm 1983. Cùng nơi cư trú: Ấp Kênh Xáng, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2021 – có mặt).

- Anh **Kim T**, sinh năm 1991 (chết năm 2022). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Kim T: Ông Kim S, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp Kênh Xáng, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

- Ông **Kim S**, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Kênh Xáng, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Ông **Kim L**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trà Gút, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Bà **Thạch Thị D**, sinh năm 1966 (có mặt).
- Anh **Kim Thái D1**, sinh năm 1985 (vắng mặt);
- Anh **Kim Thái D2**, sinh năm 1986 (vắng mặt);
- Chị **Sơn Thị Ngọc M**, sinh năm 1987 (vắng mặt);
- Chị **Thạch Thị Quách Th**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện hợp pháp của ông Lục, anh D1, anh D1, chị M, chị Quách Th: Bà **Thạch Thị D**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2022; ngày 08/4/2021 - có mặt).

- Bà **Kiên Thị Ngọc M**, sinh năm 1963 (vắng mặt);
- Anh **Kim Ngọc Đ**, sinh năm 1986 (vắng mặt);
- Chị **Kim Thị Ngọc Th**, sinh năm 1988 (vắng mặt);
- Anh **Kim Di L**, sinh năm 1990 (vắng mặt);
- Chị **Trương Thị H1**, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện hợp pháp của anh Đ, bà Minh, chị Th, anh L, chị H1: Chị **Kim Thị Ngọc T**, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 09/02/2022, có mặt).

- Ông **Kim Ph**, sinh năm 1974 (chết ngày 25/7/2021). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Kim Ph: Bà Lê Thị **L2**, sinh năm 1974; chị Kim Thị Q, sinh năm 1997. Cùng nơi cư trú: Ấp Trà Gút, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

Phiên dịch tiếng Khmer: Ông Thạch Ng – Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Thanh Ph – là trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cha ông Bé B là cụ Kim **H2**, sinh năm 1929 (chết 2008) và mẹ là cụ Kiên Thị **S1**, sinh năm 1932 (chết 1968). Lúc sinh thời cha mẹ ông có 05 người con gồm: Thạch Thị Th (chết lúc nhỏ không chồng con); Thạch Thị H, sinh năm 1955; Kim Bé B, sinh năm 1957; Kim U, sinh năm 1962; Kim Thị **H3**, sinh năm 1963 (chết 2020 có con là Kim Cù M, Kim Cù Ma R, Kim T (chết năm 2022 không vợ không con), Kim Thị Ng, chồng là Kim S). Sau khi mẹ ông Bé B chết thì cụ H2 cha ông có sống chung với cụ Võ Thị S2 (chết năm 2012) và có thêm 02 người con là: Kim Ph (chết ngày 25/7/2021, có con Kim Thị Q, vợ Lê Thị L2); Kim L.

Ông Bé B ở chung với cụ H1, ông Bé B có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 793, diện tích 360m², loại đất lúa do ông Bé B sử dụng; thửa 792 diện tích 410m², loại đất Hg ông Kim U quản lý sử dụng; thửa 797 diện tích 2250m² loại đất trồng cây ăn quả; thửa 798 diện tích 2730m² loại đất trồng lúa. Các quyền sử dụng đất này do ông Kim Bé B mua của người khác vào năm 1977, ông Bé B sử dụng đến năm 2002 thì ông Kim U về ở một phần trên thửa 797, 798. Năm 2002 cụ H2 chiết tách thửa 797 cho ông Kim U diện tích 1430m² loại đất quả (nay là thửa 2504 ông Kim U đã được cấp giấy); diện tích còn lại của thửa 797 là 820m² do ông Kim Bé B quản lý sử dụng. Thửa 798 diện tích 2730m² loại đất trồng lúa, vào năm 2002 cụ H2 chiết tách cho ông U thành thửa 2505 diện tích 1950m² loại đất trồng lúa ông Kim U đã được cấp giấy; diện tích còn lại của thửa 798 là 780m² do ông Kim Bé B quản lý sử dụng, cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Năm 1992 Nhà nước thực hiện việc kê khai đăng ký lại để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông Bé Ba ở chung với cụ Huôi và cụ Huôi là thương binh được miễn phí sang tên cấp giấy và miễn đóng thuế nên ông Bé B để cụ H2 đứng tên kê khai đăng ký và cấp giấy cho cụ H2 năm 1997.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kim U chia thừa kế thửa 792 ra làm 04 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật. Đối với thửa 793 ông Kim Bé B đồng ý chia ra làm 04 phần bằng nhau cho 04 người con của cụ H2 theo quy định của pháp luật (do Kim L, bà L2, chị Quyền khước từ nhận di sản). Riêng, đối với thửa 797, 798 (tài liệu đo đạc năm 1992) sau khi chiết tách cho ông U thì diện tích còn lại của thửa 797 chỉ có diện tích 820m² và thửa 798 diện tích 780m²

và ông Bé B được cụ Kim H2 hợp thức hóa lại bằng hình thức tặng cho vào năm 2000 và hiện nay ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo tài liệu đo đạc năm 2004 là thửa 850, 851 ông không đồng ý yêu cầu của bà Hòa, của ông Kim Cù M2 và của ông Kim U. Vì thửa 797, 798 (tài liệu đo đạc năm 1992) có nguồn gốc của ông Bé B dùng tiền của cá nhân ông mua của người khác vào năm 1977.

Chị Kim Thị Ngọc T đại diện hợp pháp của ông Kim Bé B thống nhất phần trình bày của vị Trợ giúp viên pháp lý.

Bị đơn ông Kim U trình bày: Về huyết thống của cha mẹ ông đúng như ông Bé B trình bày. Lúc còn sống cha ông có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 793 diện tích 360m², loại đất lúa do ông Kim Bé B quản lý sử dụng; thửa 792, tờ bản đồ 8, diện tích 410m² loại đất Hg do ông Kim U quản lý sử dụng, ông đã cất nhà ra riêng cho con ông là Kim Thái D1 năm 2020; thửa 797 diện tích 2250m² loại đất trồng cây ăn quả (ông được cha ông chiết tặng cho vào năm 2002 thành thửa 2504 diện tích 1430m² loại đất quả; diện tích còn lại của thửa 797 là 820m² do Kim Bé B quản lý sử dụng); thửa 798 diện tích 2730m² loại đất trồng lúa, ông được cha ông chiết tặng cho vào năm 2002 thành thửa 2505 diện tích 1950m² loại đất trồng lúa; diện tích còn lại của thửa 798 là 780m² do Kim Bé B quản lý sử dụng) tất cả cùng tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Nay, ông có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bé B chia toàn bộ di sản thừa kế của cụ Kim H2 để lại gồm các thửa 792, 793, 797, 797 (theo tài liệu đo đạc năm 1992) ra làm 06 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật cho mỗi suất thừa kế là 1/6. Ông yêu cầu được nhận kỷ phần 1/6 bằng hiện vật trong khối di sản của cụ H2 là trọn thửa 792 diện tích 410m² loại đất Hg và thửa 793 diện tích 360m² loại đất lúa, tờ bản đồ 8 tọa lạc tại ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Vì, khi còn sống cha ông đã ủy quyền cho ông sử dụng, định đoạt 02 thửa đất trên theo tờ ủy quyền ngày 08/9/2006.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Kim U thay đổi một phần yêu cầu phản tố là yêu cầu chia di sản của cụ H2 ra là 04 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật, do trong quá trình giải quyết vụ án ông Kim L2 và bà L2, chị Q khước từ nhận di sản. Đồng thời, ông xin rút một phần yêu cầu đối với yêu cầu chia thửa 797, 798. Ông giữ nguyên yêu cầu công nhận cho ông trọn thửa 792, 793 nêu trên.

Bà Phạm Thị Thiên Nh đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị H trình bày: Bà xác nhận về quan hệ huyết thống của cha mẹ bà Hòa đúng như ông Kim Bé B và Kim U trình bày. Di sản của cha bà H chết để lại gồm: Quyền sử dụng đất thửa 792 diện tích 410m² loại đất Hg; thửa đất 793 diện tích 360m², loại đất lúa; thửa 797 diện tích 2250m² loại đất trồng cây ăn quả; thửa 798 diện tích 2730m² loại đất trồng lúa cùng tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do cha bà là Kim H2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi chết cha bà không để lại di chúc.

Nay, bà yêu cầu chia thừa kế các thửa 793, 797, 798 ra làm 04 bằng nhau, bà H yêu cầu hưởng $\frac{1}{4}$ suất thừa kế của cha bà để lại. Riêng, thửa 792, tờ bản đồ 8, diện tích $410m^2$ loại đất Hg bà H yêu cầu được hưởng $\frac{1}{4}$ bằng hiện vật. Cụ thể là phần E và phần F theo sơ đồ bản vẽ khu đất kèm Công văn số 752/CNTPTV ngày 15/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Trà Vinh. Vì phần đất này, bà Hòa sử dụng từ sau giải phóng Miền Nam năm 1975 cho đến năm 2002, nhưng ông U chiếm sử dụng phần E từ năm 2002 cho đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Kim Cù M trình bày: Ông Kim Cù M xác nhận về quan hệ huyết thống của cụ ngoại ông là đúng như ông Kim Bé B, ông U, bà H đã trình bày. Di sản của cụ ngoại ông chết để lại gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất 793 diện tích $360m^2$, loại đất lúa do Kim Bé B quản lý sử dụng; thửa 792 diện tích $410m^2$ loại đất Hg do Kim U quản lý sử dụng; thửa 797 diện tích $2250m^2$ loại đất trồng cây ăn quả do Kim Bé B quản lý sử dụng; thửa 798 diện tích $2730m^2$ loại đất trồng lúa do Kim Bé B quản lý sử dụng, cùng tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do cụ ngoại ông là Kim H2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, ông Kim Cù M yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Kim Bé B và ông Kim U chia di sản thừa kế của cụ ngoại ông Kim H2 gồm thửa 792, 793, 797, 798 ra làm 06 (sáu) phần bằng nhau cho các đồng thừa kế của cụ H2. Trong đó, ông Cù M yêu cầu được hưởng một suất thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất đối với kỹ phần của bà H1 cho những người thừa kế chuyển tiếp của bà H1 gồm: Kim Cù M, Kim Cù Ma R, Kim Thị Ng, Kim S. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông Kim Cù M thay đổi một phần yêu cầu như sau: Theo đơn kiện ông yêu cầu chia ra làm 06 phần bằng nhau, nay ông thay đổi lại là yêu cầu chia ra làm 04 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật. Do trong quá trình giải quyết vụ án, ông biết được ông Kim L và bà L2, chị Kim Thị Q khước từ nhận di sản của cụ H2.

Bà Thạch Thị D vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vừa là người đại diện cho anh D1, anh D2, chị M, chị Th, ông Kim L cũng có lời trình bày như ông Kim U.

* Biên bản thẩm định, định giá: Đối với thửa 792 và 793 các đương sự thống nhất biên bản thẩm định tại chỗ ngày 15/10/2021, Biên bản thẩm định bổ sung ngày 01/3/2022, biên bản định giá ngày 01/3/2022 và Sơ đồ bản vẽ máy kèm Công văn số 1574/CNTPTV ngày 19/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Trà Vinh như sau:

- Thửa 792 diện tích 410 loại đất Hg tờ bản đồ số 8 do ông Kim Huôi đứng tên. Thực đo gồm:

+ Phần A diện tích $329,3m^2$ do anh D1 và chị M (con trai và con dâu của ông Kim U) quản lý sử dụng. Tài sản trên đất gồm: Nhà chính khung bê tông cốt thép mái tôn; nhà tiền chế 1 diện tích $17,1m^2$; nhà tiền chế 2 diện tích $11,96m^2$; mái lá diện tích $9,9m^2$; sân láng xi măng; 05 cây dừa 02 năm tuổi.

+ Phần E diện tích 32,5m² do anh D1 và chị M (con trai và con dâu của ông Kim U) quản lý sử dụng. Tài sản trên đất: 01 cây dừa 02 năm tuổi; 01 cây cam 01 năm tuổi.

+ Phần F diện tích 56,5m² do bà Thạch H quản lý sử dụng; 01 cây dừa 02 năm tuổi và 01 cây ổi, 01 cây đu đủ do anh D1, chị M quản lý (theo ông Kim U khai do ông trồng và ông cam đoan sẽ di dời); 03 cây dừa 02 năm tuổi do bà H trồng.

+ Phần B diện tích 55,8m² thuộc đất công cộng; Phần C diện tích 14,0m² thuộc đất công cộng; Phần G diện tích 2,6m² thuộc đất công cộng.

- Thửa 793 diện tích 360m² loại đất trồng lúa tờ bản đồ số 8 do ông Kim H2 đứng tên. Thực đo là phần D diện tích 294,7m², đất trống, do hộ ông Kim Bé B quản lý sử dụng. Trên đất không có tài sản.

* Đối với thửa 797 và 798 các đương sự thống nhất biên bản thẩm định tại chỗ ngày 31/3/2023, biên bản định giá tài sản ngày 10/7/2024 và Sơ đồ bản vẽ máy kèm Công văn số 106/CNTPTV ngày 23/01/2024 (được thay thế bởi Công văn số 1496/CNTPTV ngày 21/8/2024) và Công văn số 374/CNTPTV ngày 20/3/2024 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai như sau:

- Phần A diện tích 1950,4m² thuộc thửa 849 tờ bản đồ 78 theo tài liệu đo đạc năm 2004 (nhằm thửa 798 tờ bản đồ số 8 theo tài liệu đo đạc năm 1992 ông Kim U được cấp giấy thửa 2505).

- Phần A1 diện tích 1141,2m² thuộc thửa 172 tờ bản đồ 78 theo tài liệu đo đạc năm 2004 (nhằm thửa 797 tờ bản đồ số 8 theo tài liệu đo đạc năm 1992 ông U được cấp giấy thửa 2504).

Phần A và phần A1 do hộ ông Kim U quản lý sử dụng, trên đất có tài sản là nhà cửa, chuồng trại, công trình phụ và cây cối có trên đất.

- Phần B diện tích 780m² thuộc thửa 850 tờ bản đồ số 78 theo tài liệu đo đạc năm 2004 (nhằm thửa 798 tờ bản đồ số 8 theo tài liệu đo đạc năm 1992).

- Phần B1 diện tích 1068,9m² thuộc thửa 851 tờ bản đồ số 78 theo tài liệu đo đạc năm 2004 (nhằm thửa 797 tờ bản đồ số 8 theo tài liệu đo đạc năm 1992).

- Phần B và phần B1 do hộ ông Kim Bé B quản lý sử dụng, trên đất có tài sản là nhà cửa, chuồng trại, công trình phụ và cây cối có trên đất.

Ý kiến của vị Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Kim Bé B trình bày ý kiến: Vị Trợ giúp viên pháp lý thống nhất là di sản của cụ Kim H2 để lại là thửa 792, 793 cùng tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh. Trước khi chết cụ H2 không để lại di chúc. Nay, ông Bé B2 đồng ý chia thửa 793 ra làm 04 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế của cụ H2, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông Bé B2. Đối với thửa 792 diện tích 410m² (thực đo 418,3m²) ông Bé B2 yêu cầu ông Kim U chia cho ông được hưởng ¼ giá trị, vì đây là di sản của cụ Huôi để lại chưa chia. Riêng thửa 797, 798

cùng tờ bản đồ số 8 (theo tài liệu đo đạc năm 1992) có nguồn gốc của ông Bé B mua từ người khác vào năm 1977, ông Bé B trực tiếp quản lý sử dụng liên tục từ khi mua cho đến năm 2002 thì cụ H2 chiết tách một phần cho ông Kim U 02 thửa đất trên. Phần còn lại ông Kim Bé B quản lý sử dụng xây nhà ở, trồng cây và xây dựng chuồng trại trên đất, đến năm 2000 cụ H2 hợp thức hóa lại bằng hợp đồng tặng cho lại ông Kim Bé B và ông Kim Bé B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 850, 851. Tại Công văn số 151/VPĐKĐĐ/TTLT ngày 28/02/2024 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh xác nhận việc cấp giấy cho ông Bé B là đúng quy định của pháp luật. Từ đó, vị Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Kim U, của bà H, của ông Cù M về yêu cầu ông Bé B chia thừa kế thừa 797, 798 nêu trên.

** Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục; nội dung, thẩm quyền đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm. Các đương sự có mặt đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về thời hạn xét xử là quá hạn nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và diện dẫn quy định của pháp luật, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kim Bé B.

+ Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Thạch Thị H, ông Kim Cù M, ông Kim U về yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 797, 798 (tài liệu đo đạc năm 1992). Tuy nhiên, ông Kim U rút một phần yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 797, 798 nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông Kim U về yêu cầu hưởng trọn 02 thửa 792, 793.

+ Đề nghị chia thửa đất 792, 793 ra làm 04 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế được hưởng mỗi kỳ phần $\frac{1}{4}$ giá trị thửa 792, 793 nhưng đề nghị trừ 5% công sức gìn giữ, cải tạo đất cho ông Kim Bé B và ông Kim U trước khi chia. Do thửa đất 792, 793 có diện tích hẹp, hình thể là hình tam giác không thể chia bằng hiện vật được. Mặc khác, trên thửa 792 ông Kim Út đã cất nhà kiên cố cho anh D1, chị M ở nên không thể chia bằng hiện vật được, đề nghị giao cho ông Kim U tiếp tục sử dụng một phần A diện tích 329,3m² thuộc thửa 792; giao cho ông Kim Bé B tiếp tục sử dụng thửa 793 diện tích thực đo phần D = 294,7m². Buộc ông Kim U, ông Kim Bé B phải có nghĩa vụ chia giá trị quyền sử dụng đất cho

các đồng thừa kế. Đề nghị công nhận cho bà H tiếp tục sử dụng phần E = 32,5m², phần F = 56,5m² theo sơ đồ bản vẽ máy kèm Công văn số 1574/CNTPTV ngày 19/11/2021.

Ngoài ra, Vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xem xét về nghĩa vụ chịu án phí và chi phí thẩm định, định giá, cung cấp thông tin.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất nên quan hệ tranh chấp của vụ án này là “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” quy định tại khoản 5, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đất tranh chấp tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Đây là vụ án tranh chấp có liên quan đến đất đai, Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa gồm:* Đại diện nguyên đơn chị T, Trợ giúp viên pháp lý; bị đơn ông Kim U; bà bà Nh đại diện hợp pháp của bà H; ông Cù M; bà D có mặt. Ông Kim S, bà L2, chị Q vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt nhưng có ủy quyền. Xét thấy, việc ủy quyền của các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế:

Cụ H2 chết ngày 06/9/2008 thì thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn là còn theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế là 30 năm kể từ ngày cụ H2 mất. Như vậy, quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của các đồng thừa kế là còn thời hiệu để xem xét.

[3] Về hàng thừa kế của cụ Kim H2:

- Lúc sinh thời cụ Kim H2 và cụ Kiên Thị S1 hạ sinh những người con sau đây: Thạch Thị Th (chết lúc nhỏ), Thạch Thị H; Kim Bé B; Kim Thị H1 [chết năm 2020, có chồng là Kim S, các con là Kim Cù M, Kim Cù Ma R, Kim Thị Ng; Kim T (chết năm 2022 không vợ, không con)]; ông Kim U. Bà H mang họ Thạch là do cha

bà đi theo cách mạng, còn bà ở trong vùng chiến tranh sợ bị giết bắt nên bà H đổi họ thành họ Thạch.

- Cụ Kiên Thị S1 chết năm 1968. Cụ Kim H2 xác lập quan hệ hôn nhân với cụ Võ Thị S2 (chết năm 2012), hạ sinh được 02 người con gồm: Kim Ph, sinh năm 1974 (chết ngày 25/7/2021 có vợ là Lê Thị L2, con là Kim Thị Q) và Kim L, sinh năm 1978. Ông Kim L, bà Lê Thị L2 và chị Kim Thị Q khước từ nhận di sản. Xét thấy, việc khước từ nhận di sản của ông Kim L của bà L2, chị Q không nhằm trốn tránh nghĩa vụ là phù hợp với Điều 620 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, những người được hưởng di sản thừa kế của cụ H2 trong vụ án này gồm: Bà Thạch Thị H, ông Kim Bé B, ông Kim U và những người thừa kế chuyển tiếp của bà Kim Thị H1 (Kim Cù M1, Kim Cù Ma R1, Kim Thị Ng1, Kim S1) mỗi kỹ phần là $\frac{1}{4}$ theo quy định của pháp luật.

[4] Xác định di sản thừa kế của cụ Kim H1 để lại gồm: Thừa đất số 793, tờ bản đồ 8, diện tích $360m^2$ (thực đo là phần D diện tích $294,7m^2$) loại đất trồng lúa do ông Kim Bé B1 đang quản lý sử dụng; thừa đất 792, tờ bản đồ 8, diện tích $410m^2$ (thực đo $418,3m^2$) loại đất Hg ông Kim U cất nhà cho con ông là Kim Thái D1 và chị Sơn Thị Ngọc M1 ở trên phần A diện tích $329,3m^2$; phần còn lại là phần E, phần F bà Thạch Thị H1 đang quản lý sử dụng.

*** Đối với thừa 797 và 798 theo tài liệu đo đạc năm 1992:**

Xét về nguồn gốc thừa 797, 798 theo tài liệu đo đạc năm 1992 có nguồn gốc của ông Kim Bé B dùng tiền cá nhân của ông Bé B mua vào năm 1977 (bút lục 467, 468). Từ đó, trên tư liệu 1983 ghi nhận ông Kim Bé B đứng tên kê khai đăng ký “*chủ sử dụng đất*” (các bút lục số 241, 242, 330, 331). Đến năm 1992 Nhà Nước có chủ trương kê khai lại, do cụ Kim H2 là Thương Binh được miễn phí sang tên cấp giấy và miễn thuế sử dụng đất nên ông Bé B đồng ý để cụ Huôi đứng tên kê khai đăng ký năm 1992 và được cấp giấy năm 1997. Vì thời điểm này, cụ H2 sống chung với ông Bé B và có chung hộ khẩu (bút lục số 314).

Về quá trình sử dụng thừa 797 diện tích $2250m^2$ loại đất trồng cây ăn quả; thừa 798 diện tích $2730m^2$ loại đất trồng lúa (tài liệu đo đạc năm 1992) do ông Kim Bé B quản lý sử dụng từ khi mua đất năm 1977 liên tục cho đến năm 2002. Năm 2002 thì ông Kim U rước cụ Kim H2 về ở chung với ông Kim U, được cụ Kim H2 chiết tách thừa 797 cho ông Kim U thành thừa 2504 diện tích $1430m^2$ ông U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thực đo là phần A1 diện tích $1141,2m^2$ theo tài liệu đo đạc năm 2004 là thừa 172 tờ bản đồ số 78), diện tích còn lại của thừa 797 là $820m^2$ (theo tài liệu đo đạc năm 2004 là thừa 851 diện tích $1068,9m^2$ phần diện tích tăng $248,9m^2$ so với tư liệu 1992 được thể hiện tại Công văn số 151/VPĐKĐĐ-TTLT) do ông Kim Bé B tiếp tục quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thửa 798 cụ H2 chiết tách cho ông Kim U thành thửa 2505 diện tích 1950m² ông U đã được cấp giấy năm 2004 (thực đo là phần A diện tích 1950,4m² theo tài liệu đo đạc năm 2004 là thửa 849 tờ bản đồ 78); diện tích còn lại của thửa 798 là 780m² (theo tài liệu đo đạc năm 2004 là thửa 850) do ông Kim Bé B quản lý sử dụng cho đến nay. Thửa 797 và 798 nêu trên ông Kim Bé B đã trồng cây ăn quả và cất nhà ở từ rất lâu (trước khi cụ H2 chết) cũng không ai ngăn cản hay tranh chấp gì. Năm 2000 cụ Kim H2 hợp thức hóa lại bằng hợp đồng tặng cho ông Kim Bé B và ông đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 850, 851 nêu trên. Từ đó, cho thấy thửa 797, 798 theo tài liệu đo đạc năm 1992 có nguồn gốc của ông Kim Bé B mua từ người khác vào năm 1977 (bút lục số 467, 468). Do đó, việc ông Kim U, bà Thạch Thị H, ông Kim Cù M cho rằng thửa 797, 798 là di sản của cụ H2 để lại và yêu cầu chia thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, ông Bé B không có yêu cầu gì đối với một phần thửa đất mà ông Kim U được cụ Kim H2 chiết tách thửa cho năm 2002 ông U được cấp giấy thửa 2504, 2505 (tài liệu đo đạc năm 2004 là thửa 849, 172) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Việc ông Kim Cù M (người thừa kế chuyển tiếp của bà Kim Thị H3) cho rằng, khi còn sống cụ H2 có hứa cho bà H3 01 công trong phạm vi thửa 797, 798 (tư liệu 1992) nhưng ông Kim Cù M3 không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, cụ Kim H2 cũng đã định đoạt thửa 797, 798 theo tài liệu đo đạc năm 1992 (theo tài liệu đo đạc năm 2004 là thửa 849, 172, 850, 851) cho ông Kim U và ông Kim Bé B trước khi cụ H2 chết như đã nhận định ở phần trên.

Mặt khác, tại Công văn số 151/VPĐKĐĐ/TTLT ngày 28/02/2024 của Sở Tài nguyên và Công văn số 3208/UBND-NC ngày 23/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh xác định việc chỉnh trang tư và cấp giấy đối với các thửa 850, 851, 2504, 2505 là đúng quy định của pháp luật.

Từ đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, của Kim Cù M, của ông Kim U về yêu cầu được chia $\frac{1}{4}$ với thửa 797, 798 (tài liệu đo đạc năm 1992) nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Kim U rút một phần yêu cầu chia thừa kế thửa 797, 798 nên được Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông Kim U.

Như vậy, di sản của cụ Kim H2 để lại chỉ có thửa đất số 793, tờ bản đồ 8, diện tích 360m² loại đất trồng lúa và thửa đất 792 diện tích 410m² loại đất Hg cùng tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do cụ Kim H2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do các thửa đất 792, 793 có được sau khi cụ S1 chết; còn cụ Võ Thị S2 khi còn sống thì không sống chung với cụ H2 (nhà ai người đó ở). Về hộ khẩu tại thời điểm cấp giấy thì cụ H2 chung hộ khẩu với ông Kim Bé B2, đến năm 2002 thì cụ H2 sang ở với ông Kim

U cho đến khi chết. Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 792, 793 không thể hiện thông tin thành viên hộ (bút lục số 465).

[5] Xét yêu cầu chia thừa kế thửa 792, 793 của các đồng thừa kế như sau:

Theo đơn khởi kiện cũng như diễn biến tại phiên tòa hôm nay, ông Kim Bé B, bà Thạch Thị H, ông Kim Cù M yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế thửa 792 diện tích 410m² loại đất Hg; thửa 793 diện tích 360m² loại đất trồng lúa ra làm 04 phần bằng nhau theo quy định của pháp luật. Ông Bé B, bà H, ông Cù M yêu cầu hưởng 01 phần theo quy định của pháp luật. Riêng, ông U yêu cầu công nhận cho ông hưởng trọn 02 thửa 792, 793 nêu trên. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, các đồng thừa kế của cụ Kim H2 đều xác nhận thửa đất 792 diện tích 410m² loại đất Hg; thửa đất số 793, diện tích 360m² loại đất trồng lúa cùng tờ bản đồ số 8 là di sản của cụ Kim H2 (chết năm 2008) để lại. Sự thừa nhận này của các đồng thừa kế thuộc những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 “*a) Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận*”. Tuy, 02 thửa đất nêu trên cụ Kim H2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng cụ H2 không quản lý sử dụng (do cụ H2 bị cụt chân) mà người trực tiếp sử dụng thửa 792 là ông Kim U quản lý sử dụng từ năm 2002 đến nay, ông U xây nhà cho con trai là anh D1, chị M1 trên diện tích 329,3m² (thuộc phần A) và phần E diện tích 32,5m² theo sơ đồ bản vẽ kèm Công văn số 752/CNTP ngày 15/6/2021); bà Hòa quản lý sử dụng phần F diện tích 56,5m². Thửa 793 diện tích 360m² (thực đo là phần D diện tích 294,7m²) do ông Kim Bé B trực tiếp quản lý sử dụng từ trước giải phóng Miền Nam năm 1975 liên tục cho đến nay.

Việc ông Kim U cho rằng khi còn sống cha ông (cụ Kim H2) có ủy quyền cho ông sử dụng thửa 792, 793 vĩnh viễn và toàn quyền định đoạt nên ông yêu cầu công nhận cho ông trọn 02 thửa đất 792, 793 theo tờ ủy ngày 08/3/2006 (bút lục số 79). Xét thấy, tờ ủy quyền này không có giá trị pháp lý để chứng minh, bởi tờ ủy quyền nêu trên ghi không đúng tên ông Kim H2; khi thì ghi “Kim Hui”, khi thì ghi “Kim Hút”, tại phiên tòa hôm nay các đồng thừa kế của cụ H2 (bà H, ông Bé B, ông Cù M) đều xác nhận khi còn sống cụ H2 tên là “Kim H2” chứ không phải “Kim Hui” hay “Kim Hút”. Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tên của cụ H2 là “Kim H2” (các bút lục số 05, 34, 52, 375). Mặc khác, tờ ủy quyền này không có cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực; giữa cụ H2 và ông U cũng không lập hợp đồng tặng cho theo quy định của Luật đất đai; ông Kim U cũng không hề kê khai đăng ký vào Sổ bộ địa chính qua các thời kỳ 1983, 1991, 2004 đối với 02 thửa đất nêu trên. Tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 có quy định “*3. Việc ... tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính*” nên tờ ủy này không có giá trị pháp lý để chứng minh.

Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Kim U về yêu cầu công nhận cho ông được hưởng trọn 02 thửa 792 và 793 mà có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kim Bé B, của bà Thạch Thị H, của Kim Cù M chia thừa kế thửa 792, 793 ra làm 04 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế của cụ H2 theo quy định tại các Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo sơ đồ bản máy tổng thể khu đất thửa 792, 793 kèm Công văn số 752/CNTPTV ngày 15/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Trà Vinh. Cụ thể:

- Đối với thửa 792 diện tích thực đo $418,3\text{m}^2$ loại đất Hg gồm: Phần A hiện tích = $329,3\text{m}^2$, phần E diện tích = $32,5\text{m}^2$; phần F diện tích = $56,5\text{m}^2$. Theo Biên bản định giá ngày 10/7/2024 giá thửa 792 là $1.200.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 418,3\text{m}^2 = 501.960.000\text{đ}$. Như vậy, mỗi kỷ phần là $104,58\text{m}^2$.

Về hiện trạng sử dụng theo Biên bản thẩm định tại chỗ thì ông Kim U sử dụng gồm phần A diện tích = $329,3\text{m}^2$ ông U trồng cây dừa và xây nhà kiên cố cho anh D1, chị M (con trai và con dâu ông U); Phần E = $32,5\text{m}^2$ ông U trồng 01 cây dừa 02 năm tuổi, 01 cây cam 01 năm tuổi; phần F diện tích $56,5\text{m}^2$ bà H có trồng 03 cây dừa 02 năm tuổi; ông Kim U trồng 01 cây dừa 02 năm tuổi, 01 cây ổi 02 năm tuổi, 01 cây đu đủ. Bà Thạch Thị H yêu cầu công nhận cho bà sử dụng phần E và phần F.

Do thửa 792 diện tích hẹp, hình thể là hình tam giác và ông U đã xây nhà kiên cố cho anh D1, chị M vào năm 2020 trên phần A diện tích $329,3\text{m}^2$ nên Hội đồng xét xử không thể buộc tháo dỡ nhà để chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế được nên Hội đồng xét xử công nhận cho ông Kim U tiếp tục quản lý sử dụng phần A diện tích $329,3\text{m}^2$, buộc ông Kim U phải có nghĩa vụ chia giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 792 cho ông Kim Bé B, người thừa kế chuyển tiếp của bà H2; buộc ông Kim U chia bằng hiện vật cho bà H phần E diện tích $32,5\text{m}^2$ và phần F diện tích $56,5\text{m}^2$, vì bà H đã sử dụng phần đất này từ năm 1975 cho đến nay. Nhưng trước khi chia thừa kế, Hội đồng xét xử trích một phần công sức gìn giữ, tu bổ, cải tạo di sản cho ông Kim U là 5% trên diện tích mà ông đã quản lý sử dụng $329,3\text{m}^2$. Cụ thể:

+ Buộc ông Kim U phải có nghĩa vụ chia giá trị quyền sử dụng đất cho ông Kim Bé B được hưởng là $119.221.200\text{đ}$ ($104,58\text{m}^2 \times 1.200.000\text{đ}/\text{m}^2 = 125.496.000\text{đ}$ (trừ) - 5% gìn giữ, cải tạo di sản $6.274.800\text{đ}$).

+ Buộc ông Kim U phải có nghĩa vụ chia giá trị quyền sử dụng đất cho những người thừa kế chuyển tiếp của bà Kim Thị H2 là $119.221.200\text{đ}$ ($104,58\text{m}^2 \times 1.200.000\text{đ}/\text{m}^2 = 125.496.000\text{đ}$ (trừ) - 5% gìn giữ, cải tạo di sản $6.274.800\text{đ}$).

+ Buộc ông Kim U, bà Thạch Thị D, anh Kim Thái D1, chị Sơn Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ di dời 01 cây dừa 02 năm tuổi, 01 cây cam 01 năm tuổi ra khỏi phần E để giao diện tích phần E = $32,5\text{m}^2$ cho bà H sử dụng. Buộc ông Kim U, bà Thạch Thị D, anh Kim Thái D1, chị Sơn Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ di dời 01 cây

dừa 02 năm tuổi, 01 cây ổi, 01 cây đu đủ ra khỏi phần F; Công nhận cho bà H tiếp tục sử dụng phần F diện tích $56,5\text{m}^2$. Như vậy, tổng diện tích đất bà Hòa được chia tại thửa 792 là 89m^2 (gồm phần E + phần F theo sơ đồ bản vẽ máy) theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

+ Công nhận cho ông Kim U được tiếp tục sử dụng quyền sử dụng đất phần A diện tích $329,3\text{m}^2$ thuộc một phần thửa 792. Tài sản có trên phần A có ngôi nhà cấp 4, công trình phụ và cây cối có trên đất của anh Kim Thái D1 và chị Sơn Thị Ngọc M là con trai và con dâu của ông Kim U đang quản lý sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay, bà Thạch Thị D đại diện cho anh D1, chị M không có yêu cầu gì đối ngôi nhà và tài sản trên phần A nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với thửa 793 diện tích thực đo phần D = $294,7\text{m}^2$ loại đất lúa (trên đất không có tài sản), ghi nhận sự tự nguyện của chị T (đại diện hợp pháp của ông Kim Bé B) chia thửa 793 ra làm 04 phần bằng nhau. Theo Biên bản định giá ngày 10/7/2024 giá thửa 793 có giá trị là $1.500.000\text{đ}/\text{m}^2$. Do thửa 793 diện tích hẹp, hình thể là hình tam giác nhọn không thể cắt chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế cụ H2 được mà phải chia bằng giá trị quyền sử dụng đất và thửa đất này do ông Kim Bé B quản lý sử dụng từ trước giải phóng Miền Nam năm 1975 liên tục cho đến nay, nên Hội đồng xét xử công nhận cho ông Kim Bé B tiếp tục quản lý sử dụng thửa 792 diện tích $294,7\text{m}^2$ nhưng Hội đồng xét xử trích một phần công sức gìn giữ, tôn tạo, cải tạo di sản cho ông Kim Bé B là 5%. Từ đó, buộc ông Kim Bé B phải có nghĩa vụ chia cho các đồng thừa kế của cụ H2 được hưởng mỗi kỳ phần là $294,7\text{m}^2 : 4 = 73,68\text{m}^2$. Cụ thể:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Bé B chia giá trị quyền sử dụng đất thửa 793 cho bà Thạch Thị H là $104.994.000\text{đ}$ ($73,68\text{m}^2 \times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 110.520.000\text{đ}$ (trừ) - 5% gìn giữ, cải tạo di sản $5.526.000\text{đ}$).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Bé B chia giá trị quyền sử dụng đất thửa 793 cho những người kế thừa kế chuyển tiếp của bà H2 là $104.994.000\text{đ}$ ($73,68\text{m}^2 \times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 110.520.000\text{đ}$ (trừ) - 5% gìn giữ, cải tạo di sản $5.526.000\text{đ}$).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Bé B chia giá trị quyền sử dụng đất thửa 793 cho ông Kim U được hưởng là $104.994.000\text{đ}$ ($73,68\text{m}^2 \times 1.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 110.520.000\text{đ}$ (trừ) - 5% gìn giữ, cải tạo di sản $5.526.000\text{đ}$).

[6] Đối với phần B diện tích $55,8\text{m}^2$; phần C diện tích $14,0\text{m}^2$; phần G diện tích $2,6\text{m}^2$ từ bản đồ số 8 theo tài liệu đo đạc năm 1992 là đất công cộng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ông Kim L, chị Kim Thị Q, bà Lê Thị L2 khước từ nhận di sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Xét ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Kim Bé Ba:* Xét thấy, ý kiến của vị Trợ giúp viên pháp lý là có căn cứ đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Kim Bé B, ông Kim U, bà Thạch Thị H, những người thừa kế chuyển tiếp của bà H2 phải chịu nhưng do ông Kim Bé B, bà Thạch Thị H, ông Kim U, ông Kim S là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Kim S, ông Kim Cù M, anh Kim Cù Ma R, chị Kim Thị Ng phải chịu án phí là 11.210.760đ nhưng ông Kim S được miễn án phí số tiền là 2.802.690đ (11.210.760đ : 4).

[8] Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá, cung cấp thông tin: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Kim Bé B đã nộp tạm ứng 8.000.000đ. Ông Kim Cù M nộp 6.000.000đ; ông Kim U đã nộp 6.000.000đ. Đã chi cho việc khảo sát, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin là 13.379.160đ. Như vậy, bà H, ông Bé B, ông Kim U và những người thừa kế chuyển tiếp của bà H2 phải chịu $\frac{1}{4}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 165, Điều 166; Điều 91; Điều 92; Điều 244 và Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 609; 610; 611; 612, 613; 614; 616; 617; 620; 623; 649; 650; 651; Điều 652 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 100 và Khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Kim Bé B về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Kim H2 tại thửa 792, 793 ra làm 04 phần bằng nhau;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H; của anh Kim Cù M về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Kim H2 tại thửa 792, 793 ra làm 04 phần bằng nhau;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kim U về yêu cầu hưởng trọn thửa 792 và thửa 793 mà chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Kim U là chia thửa đất 792, 793 ra làm 04 phần bằng nhau.

1. Buộc ông Kim U phải có nghĩa vụ chia di sản thừa kế của cụ Kim H2 để lại là quyền sử dụng đất thửa 792 diện tích 410m^2 (thực đo $418,3\text{m}^2$) loại đất Hg, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Kim H2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm 04 kỷ phần cho các đồng thừa kế của cụ Kim H2i cụ thể như sau:

+ Buộc ông Kim U phải có nghĩa vụ chia giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 792 cho ông Kim Bé B được hưởng là 119.221.200đ (*Một trăm mười chín triệu hai trăm hai mươi một nghìn hai trăm đồng*).

+ Buộc ông Kim U phải có nghĩa vụ chia giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 792 cho những người thừa kế chuyển tiếp của bà Kim Thị H1 (gồm: ông Kim Cù M, anh Kim Cù Ma R, chị Kim Thị Ng, ông Kim S là 119.221.200đ (*Một trăm mười chín triệu hai trăm hai mươi một nghìn hai trăm đồng*)).

+ Buộc ông Kim U, bà Thạch Thị D, anh Kim Thái D1, chị Sơn Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ di dời 01 cây dừa 02 năm tuổi, 01 cây cam 01 năm tuổi ra khỏi phần E để giao diện tích phần E = $32,5\text{m}^2$ cho bà Thạch Thị H sử dụng. Buộc ông Kim U, bà Thạch Thị D, anh Kim Thái D1, chị Sơn Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ di dời 01 cây dừa 02 năm tuổi, 01 cây ổi, 01 cây đu đủ ra khỏi phần F, công nhận cho bà Thạch Thị H tiếp tục sử dụng phần F diện tích $56,5\text{m}^2$. Như vậy, tổng diện tích đất bà H được chia tại thửa 792 là 89m^2 (gồm phần E + phần F theo sơ đồ bản vẽ máy) loại đất Hg, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Phần đất có tứ cận chung như sau:

Hướng Bắc giáp thửa 711 và giáp rạch có số đo 3,21m;

Hướng Nam giáp phần G và giáp rạch có số đo 0,90m và 5,65m;

Hướng Đông giáp rạch có số đo 11,68m; 3,93m;

Hướng Tây giáp phần A có số đo 16,02m.

+ Công nhận cho ông Kim U tiếp tục quản lý sử dụng một phần thửa 792 thực đo là phần A diện tích $329,3\text{m}^2$ loại đất Hg, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Kèm theo sơ đồ bản vẽ máy là phần A). Tài sản có trên phần A diện tích $329,3\text{m}^2$ mà ông Kim U được công nhận có ngôi nhà cấp 4, công trình phụ và cây cối có trên đất của anh Kim Thái D1 và chị Sơn Thị Ngọc M là con trai và con dâu của ông Kim U đang quản lý sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay, bà Thạch Thị D đại diện cho anh D1, chị M không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa 711 số đo 29,85m.

Hướng Nam giáp phần C số đo 3,01 và 2,07m;

Hướng Đông giáp phần E số đo 16,02m;

Hướng Tây giáp phần B số đo 16,93m; 15,40m.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Bé B chia di sản thừa kế của cụ Kim H2 để lại là quyền sử dụng đất thửa 793 diện tích 360m² (thực đo phần D diện tích 294,7m²) loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Kim H2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm 04 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế của cụ Kim H2 cụ thể như sau:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Bé B chia giá trị quyền sử dụng đất thửa 793 cho bà Thạch Thị H được hưởng là 104.994.000đ (*Một trăm linh bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Bé B chia giá trị quyền sử dụng đất thửa 793 cho những người thừa kế chuyển tiếp của bà H1 (gồm anh Kim Cù M, anh Kim Cù Ma R, chị Kim Thị Ng, Kim S được hưởng là 104.994.000đ (*Một trăm linh bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Kim Bé B chia giá trị quyền sử dụng đất thửa 793 cho ông Kim U được hưởng là 104.994.000đ (*Một trăm linh bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng*).

+ Công nhận cho ông Kim Bé B tiếp tục quản lý sử dụng thửa 793 diện tích 360m² (thực đo phần D diện tích 294,7m²) loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 8 tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Kèm theo sơ đồ bản vẽ máy là phần D), trên đất không có tài sản. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa 166 số đo 2,36m;

Hướng Nam giáp thửa 795 số đo 28,70m;

Hướng Đông giáp đường nhựa số đo 30,82m;

Hướng Tây giáp thửa 794 số đo 19,50m.

Ông Kim Bé B, bà Thạch Thị H, ông Kim U được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên theo phần quyết định này của bản án (sau khi thực hiện xong nghĩa vụ tại bản án này).

Đối với phần B diện tích 55,8m²; phần C diện tích 14,0m²; phần G diện tích 2,6m² tờ bản đồ số 8 theo tài liệu đo đạc năm 1992 là đất công cộng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị H, của ông Kim Cù M về yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa 797 diện tích 2250m² loại đất trồng cây ăn quả; thửa 798 diện tích 2730m² loại đất trồng lúa theo tài liệu đo đạc năm 1992 do hộ ông Kim H2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử đất (theo tài liệu đo đạc năm 2004 là thửa 849, 172, 850, 851) cùng tờ bản đồ số 8

tọa lạc ấp Sa Bình, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Phần đất có tứ cận chung như sau:

Hướng Bắc giáp thửa 935, thửa 934 số đo 39,40 m; 71,51m; 6,03m;

Hướng Nam giáp thửa 189 số đo 46,33m; 78,21m;

Hướng Đông giáp thửa 173 số đo 38,68 m;

Hướng Tây giáp thửa 171, thửa 167 số đo 23,14m; 20,68m.

Ông Kim U rút một phần yêu cầu chia thừa kế thửa 797, 798 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu này của ông Kim U.

Ông Kim L, chị Kim Thị Q, bà Lê Thị L2 khước từ nhận di sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Kim Bé B2, bà Thạch Thị H2, ông Kim U, ông Kim S.

- Buộc anh Kim Cù M, anh Kim Cù Ma R, chị Kim Thị Ng phải chịu 8.408.070đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Kim Cù M đã nộp 6.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0010206 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Ông Kim Cù M, anh Kim Cù Ma R, chị Kim Thị Ng phải có nghĩa vụ nộp thêm 1.908.070đ.

Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin:

- Buộc ông Kim U phải có nghĩa vụ chịu 3.344.790đ nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 6.000.000đ; số tiền còn lại 2.655.210đ ông Kim U được quyền liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh để nhận lại.

- Buộc ông Kim Cù M, anh Kim Cù Ma R, chị Kim Thị Ng, ông Kim S phải chịu 3.344.790đ nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 6.000.000đ; số tiền còn lại 2.655.210đ ông Kim Cù M được quyền liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh để nhận lại.

- Buộc bà Thạch Thị H phải có nghĩa vụ nộp 3.344.790đ để hoàn trả lại cho ông Kim Bé B.

- Buộc ông Kim Bé B phải có nghĩa vụ chịu 3.344.790đ nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng ông Kim Bé B đã nộp 8.000.000đ. Số tiền còn lại 1.310.420đ ông Kim Bé B được quyền liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh để nhận lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Gấm